

Số: /2021/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 1338/TTr-CAT-PA03 ngày 22 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và thay thế Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Cục A03 - Bộ Công an;
 - Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - CT, PCT UBND tỉnh;
 - Thành viên Ban Chỉ đạo BMNN tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Báo Lạng Sơn;
 - Phó Chánh VP UBND tỉnh,
- các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng;
- Lưu: THNC, VT(NTT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu

Số: 101 /BC-STP

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1064/CAT-PA03 ngày 26/3/2021 của Công an tỉnh về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Sau khi nghiên cứu dự thảo văn bản và trên cơ sở kết quả cuộc họp tư vấn thẩm định ngày 08/4/2021, Sở Tư pháp báo cáo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28/12/2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, các căn cứ pháp lý và nhiều nội dung tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND không còn phù hợp. Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 15/11/2018 và được hướng dẫn thi hành tại Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Tại điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định Tỉnh ủy, thành ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm “Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương”.

Do vậy, việc Công an tỉnh trình Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm, nâng cao ý thức của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG DỰ THẢO

1. Dự thảo Quyết định

1.1. Phần căn cứ pháp lý: Bỏ nội dung “Căn cứ Báo cáo thẩm định số.../BC-STP ngày...” do không phải căn cứ ban hành văn bản.

1.2. Điều 2 quy định “Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm 2021. **Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017**

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành”.

Cơ quan soạn thảo bỏ đoạn “*Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành*”. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định này thì cơ quan soạn thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 1283/QĐ-UBND.

1.3. Phần thể thức ký

Bỏ từ “**TỈNH**”, sửa thành “**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**”

1.4. Phần nơi nhận bổ sung địa chỉ nhận Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

2. Dự thảo Quy chế

2.1. Ý kiến chung

Nhiều nội dung của dự thảo được sao chép y nguyên từ các quy định của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 15/11/2018 và được hướng dẫn thi hành tại Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 3, 4, 5, 8, 9, 12...).

Tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”. Cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại dự thảo để bảo đảm phù hợp với quy định về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Khoản 1 Điều 1 quy định “*Quy chế này quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*”.

Các nội dung về “*bảo vệ bí mật nhà nước*”, “*hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước*” tại các Chương của dự thảo còn chưa phân biệt rõ về nội dung, chưa bảo đảm theo Điều 1 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Đề nghị rà soát lại để việc quy định được chặt chẽ, trên cơ sở đó xem xét, sửa lại điều này thành: *Quy chế này quy định về hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*.

2.3. Điều 2 quy định “*Quy chế này áp dụng đối với tất cả các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc phạm vi quản lý, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị) và các cá nhân liên quan đến việc tiếp cận, quản lý, tạo ra, khai thác, sử dụng, bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*”.

Cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung và bố cục lại nội dung để làm rõ các đối tượng áp dụng gồm: Các sở, ban, ngành, đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.4. Tên Chương II là “*QUY ĐỊNH CỤ THỂ*”. Cơ quan soạn thảo xem xét đặt lại tên Chương cho hợp lý và thống nhất với Điều 1 và các Chương khác của dự thảo (có thể đặt tên Chương là *quy định về hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước*).

2.5. Điều 4. Xác định bí mật nhà nước và độ mật bí mật nhà nước

Khổ thứ hai điểm a khoản 3 quy định “*Trường hợp các văn bản có tính chất lặp đi lặp lại như báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ có cùng một độ mật thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị xác định độ mật một lần cho loại văn bản đó*”.

Xem xét bỏ nội dung “*báo cáo chuyên đề, báo cáo chuyên đề*” vì việc liệt kê không đầy đủ sẽ dẫn đến khó áp dụng trên thực tiễn.

2.6. Điều 5, 10, 12 quy định về thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước

- Dự thảo có quy định về thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, người đứng đầu đơn vị cấp phòng và tương đương trực thuộc Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện, thành phố trên cơ sở các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Tuy nhiên, các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND tỉnh, do vậy đề nghị không đưa các chủ thể này vào dự thảo văn bản.

- Phương pháp, cách thức quy định tại 03 Điều này không giống nhau (Điều 5 quy định thẩm quyền của người được cho phép sao chụp tài liệu có độ mật cao hơn thì có thẩm quyền cho phép sao chụp tài liệu có độ mật thấp hơn, nhưng các Điều 10, 12 lại quy định lặp lại thẩm quyền 03 lần đối với độ Mật, lặp lại 02 lần đối với độ Tối mật). Đề nghị xem xét lại cách viết để việc quy định được thống nhất.

2.7. Điều 7. Bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước

- **Khoản 2 Điều 7** quy định “*Thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, bao gồm thiết bị, phần mềm mới dùng để soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước; các thiết bị, phần mềm được nâng cấp hoặc sửa đổi, bổ sung phải tiến hành kiểm tra an ninh trước khi đưa vào sử dụng tại các bộ phận, vị trí thiết yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước thuộc các cơ quan, đơn vị. Các thiết bị, phần mềm sử dụng cho các bộ phận, vị trí thiết yếu,*

cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước hoặc do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ, cho tặng **phải được Công an tỉnh kiểm tra** trước khi đưa vào sử dụng”.

Rà soát lại cách viết để thể hiện rõ thẩm quyền kiểm tra an ninh trong các trường hợp trên.

- **Khoản 3 Điều 7** quy định “Sửa chữa máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước nếu bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan, đơn vị thực hiện... Đối với các thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước bị hỏng, không có khả năng sửa chữa, phục hồi, không hoạt động được do thiếu đồng bộ, lạc hậu mà không có nhu cầu sử dụng lại phải được bảo quản, xử lý hoặc tiêu hủy theo đúng quy trình, quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước”.

Xem xét bố cục lại để tránh trùng lặp câu từ, nội dung, ngôn ngữ phù hợp.

2.8. Khoản hai điểm b khoản 4 Điều 8 quy định “Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” phải được bảo vệ bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật” và được niêm phong bằng dấu của cơ quan, đơn vị, địa phương ở ngoài bì”.

Điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định 26/2020/NĐ-CP quy định “Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” phải được bảo vệ bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật” và được niêm phong bằng dấu của cơ quan, tổ chức ở ngoài bì”. Cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “địa phương”.

2.9. Điều 12. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị tổ chức

Cơ quan soạn thảo rà soát bỏ các cụm từ thừa, sửa các nội dung bị trùng lặp (ví dụ: Quy định trách nhiệm của người tham dự hội thảo trong việc bảo vệ và sử dụng bí mật nhà nước còn trùng lặp ở nhiều khoản, điểm của Điều này).

Rà soát viết lại các câu tiêu đề của các điểm, ví dụ: Điểm b khoản 3. “Địa điểm tổ chức đảm bảo an toàn, không để bị lộ, mất bí mật nhà nước. Cụ thể:...” do chưa bảo đảm đủ thành phần của câu (bỏ cụm từ *cụ thể* vì không cần thiết).

2.10. Điều 15. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước

- **Khoản 1 Điều 15** quy định “Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo thẩm quyền đối với cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và trong khối cơ quan, đơn vị do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Việc thanh tra được tiến hành định kỳ theo quy định của pháp luật về thanh tra; kiểm tra được tiến hành hằng năm...”.

Cơ quan soạn thảo xem xét nội dung quy định về chế độ thanh tra, kiểm tra để bảo đảm việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất khi phát hiện vi phạm.

- **Khoản 2 Điều 15** quy định “*Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước định kỳ hoặc đột xuất đối với từng đơn vị trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Kết thúc kiểm tra phải có báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên, đồng gửi cơ quan Công an cùng cấp để theo dõi*”.

Xem xét việc viện dẫn “*điểm d khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước*” do nội dung của điểm d khoản 3 Điều 24 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước.

2.11. Khoản 2 Điều 17 quy định “*Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh thành lập, kiện toàn Tổ bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị mình. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban; Phó Trưởng Công an cấp huyện phụ trách an ninh là Phó Trưởng Ban thường trực và thành viên là đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan*”.

Xem xét tách nội dung thành hai khoản quy định việc thành lập, kiện toàn Tổ bảo vệ bí mật nhà nước của các sở, ban, ngành và thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.12. Điều 18

- **Khoản 1 Điều 18** quy định “*Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cán bộ chuyên trách bảo vệ bí mật nhà nước tại văn phòng hoặc đơn vị hành chính, tổng hợp. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh phải phân công cán bộ kiêm nhiệm theo dõi, tham mưu công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại văn phòng hoặc đơn vị hành chính, tổng hợp”.*

Xem xét quy định lại nội dung “*Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cán bộ chuyên trách bảo vệ bí mật nhà nước tại văn phòng hoặc đơn vị hành chính, tổng hợp*” cho phù hợp với cơ cấu tổ chức hiện hành của Văn phòng UBND tỉnh; bỏ cụm từ “*trực thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh*” để phù hợp với thực tiễn.

- **Điểm c khoản 3 Điều 18** quy định về chế độ chính sách của người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước: “*Người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật*”.

Xem xét bỏ nội dung này do nội dung khoản 3 quy định tiêu chuẩn của người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước.

2.13. Khoản 2 Điều 12 quy định “*Báo cáo sơ kết 01 năm/01 lần; thời hạn chốt số liệu tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng*

11 năm báo cáo, gửi về Công an tỉnh (qua Phòng An ninh chính trị nội bộ) chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo”.

Xem xét quy định thời gian thực hiện báo cáo để thực hiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ: “Thời hạn chốt số liệu trong chế độ báo cáo hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo”.

2.14. Điểm c khoản 1 Điều 20 quy định trách nhiệm của Công an tỉnh “*Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh*”.

Xem xét rà soát lại quy định trách nhiệm của Công an tỉnh cho phù hợp.

2.15. Khoản 1 Điều 21 quy định “*Ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, đơn vị*”. Xem xét nội dung này do trùng lặp với nội dung tại điểm c khoản 2 Điều 20.

2.16. Tên Chương IV là “*TỔ CHỨC THỰC HIỆN*”, xem xét sửa tên để thống nhất với nội dung Chương:

*“ Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH”*

2.17. Điều 23

- **Khoản 1 Điều 23** quy định “ *Công an tỉnh có trách nhiệm tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, **thanh tra**, kiểm tra việc thi hành Quy chế này*”. Bỏ cụm từ “**thanh tra**”.

- **Khoản 3 Điều 23** quy định “*Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng; phối hợp với Công an tỉnh tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt công tác quản lý...*”.

Xem xét sửa thành “*tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương cùng cấp thực hiện*” để phù hợp với thực tiễn.

2.17. Khoản 5 Điều 4; khoản 10 Điều 5; khoản 9 Điều 8; khoản 8 Điều 11, Điều 13 quy định nội dung về các mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước thực hiện theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ Công an. Cơ quan soạn thảo xem xét bố cục thành một nội dung chung, không bố cục riêng lẻ tại từng Điều.

3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày

3.1. Dự thảo Quyết định

- Phần căn cứ pháp lý: Bổ sung dấu gạch ngang bên dưới tên gọi dự thảo. Khở cuối cùng phần căn cứ pháp lý kết thúc bằng dấu chấm.

3.2. Dự thảo Quy chế

- Ghi chính xác số thứ tự các khoản tại Điều 19 (có hai khoản 2).

- Từ “*CHƯƠNG*” tại Chương III, chương IV ghi bằng chữ in thường, kiểu chữ đậm: “**Chương III**”; “**Chương IV**”.

- Rà soát lỗi đánh máy tại toàn bộ nội dung dự thảo như điểm a khoản 1 Điều 20.

4. Dự thảo Tờ trình

4.1. Phần I

- **Mục 1-Cơ sở pháp lý phần I** bổ sung các văn bản: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019.

- **Mục 2-Cơ sở thực tiễn phần I** dự thảo chưa nêu rõ cơ sở thực tiễn để trình ban hành văn bản, cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung.

4.2. Mục 1-Mục đích phần II

Bổ nội dung “*Bãi bỏ Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn... ”.*

Rà soát bổ nội dung tương tự tại **điểm a Mục 2 phần IV**.

4.3. Phần III

Bổ sung nội dung gửi Sở Tư pháp thẩm định; trình tại phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý

Rà soát bổ sung đầy đủ nội dung giải trình các ý kiến góp ý và thống nhất về phương pháp giải trình các nội dung về cùng một vấn đề.

III. VỀ THỰC HIỆN QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện các bước soạn thảo, lấy ý kiến, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện dự thảo trước khi trình UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XD&KTVBQPPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Quang Hưng